

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hà Nội - Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội tiền thân là Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội thuộc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội đã tiến hành chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của UBND Thành phố Hà Nội và Nghị định số 187/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103012585 ngày 05 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ Tám ngày 06 tháng 7 năm 2020.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ Tám ngày 06 tháng 7 năm 2020 là: 52.320.000.000 đồng (bằng chữ: năm mươi hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 5.232.000 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UpCOM, mã chứng khoán HCL.

Trụ sở chính: số 76 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Trần Trọng Bình	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Nguyễn Việt Trường	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Nguyễn Văn Danh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Nguyễn Thị Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Trần Trọng Bình	Thành viên (Đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Nguyễn Thùy Dương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Phùng Minh Trang	Thành viên
	Vũ Mạnh Quyền	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bùi Như Thanh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Nguyễn Trung Thành	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020)
	Tạ Xuân Sơn	Thành viên
	Trần Thị Thu Liên	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Vũ Mạnh Quyền	Tổng Giám đốc
	Trần Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
	Nguyễn Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2020)
	Nguyễn Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thùy Dương được ông Trần Trọng Bình uỷ quyền ký báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020, tờ khai và Báo cáo quyết toán thuế năm 2020 của Công ty theo giấy Ủy Quyền số 34/UQ-CT ngày 05 tháng 10 năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số: 84/2021/BCKT-CPA VIETNAM-TV^{HIN}**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội.

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu không có biến động với giá trị dự phòng cân trích lập theo ước tính của kiểm toán viên là 3.193.404.071 đồng. Nếu Công ty ghi nhận giá trị dự phòng phải thu khó đòi này thì kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ ảnh hưởng giá trị tương ứng.

Chúng tôi không được cung cấp hồ sơ liên quan đến số dư từ những năm trước của Chi nhánh Vĩnh Phúc phản ánh liên quan đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 và 31 tháng 12 năm 2020 gồm Tài sản thiếu chờ xử lý giá trị 14.084.705.895 đồng, Chi phí trả trước dài hạn giá trị 6.871.497.870 đồng, Phải trả ngắn hạn khác giá trị 5.342.006.409 đồng và Phải trả người bán ngắn hạn giá trị 2.422.690.685 đồng. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục nêu trên tại thời điểm 01 tháng 01 và 31 tháng 12 năm 2020 và ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội - An Dương (Công ty con do Công ty nắm giữ 52,80% vốn điều lệ) có giá trị tài sản thuần 1.758.550.259 đồng chưa được kiểm toán, Chúng tôi cũng không được thực hiện soát xét các khoản mục chủ yếu của báo cáo đó. Vì vậy, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các sai sót (nếu có) của báo cáo tài chính công ty con này đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 1.4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để chấm dứt hoạt động của các Chi nhánh - đơn vị trực thuộc.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Hoàng Tiến Lợi

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0234-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Khánh Minh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.957.412.778	118.862.907.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.596.781.564	6.087.598.144
1. Tiền	111		5.096.781.564	6.087.598.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	19.000.000.000	23.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.000.000.000	23.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.934.813.898	63.315.782.537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	27.003.674.779	16.799.016.016
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.215.234.631	3.228.186.255
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		6.711.278.841	16.403.391.036
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.919.919.752	12.800.483.335
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	14.084.705.895	14.084.705.895
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	17.216.991.074	23.028.332.896
1. Hàng tồn kho	141		17.216.991.074	23.028.332.896
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.208.826.242	2.931.193.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	330.116.284	404.175.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.866.748.611	2.527.018.460
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	11.961.347	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.395.124.806	90.238.994.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.500.000	57.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	12.500.000	57.500.000
II. Tài sản cố định	220		5.308.963.734	5.509.638.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.204.486.740	5.458.863.281
- Nguyên giá	222		15.906.205.545	15.696.984.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.701.718.805)	(10.238.120.988)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	104.476.994	50.775.579
- Nguyên giá	228		430.812.867	350.162.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(326.335.873)	(299.387.288)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	17.261.432.736	17.887.327.836
- Nguyên giá	231		18.393.271.774	18.393.271.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.131.839.038)	(505.943.938)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	58.727.454.052	58.679.129.415
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		58.698.064.052	58.649.739.415
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.390.000	29.390.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.4	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.084.774.284	8.105.398.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	7.050.641.363	8.069.639.830
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		34.132.921	35.758.298
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		191.352.537.584	209.101.901.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		107.903.416.504	141.492.689.177
I. Nợ ngắn hạn	310		106.095.645.338	116.450.329.481
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	11.683.365.887	19.076.487.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	257.501.994	577.794.137
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	9.752.599.166	5.551.213.020
4. Phải trả người lao động	314		867.485.000	519.114.799
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	40.460.957.082	40.327.074.165
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		16.017.167.732	24.872.738.150
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	24.704.632.305	23.285.507.276
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	698.000.000	698.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.653.936.172	1.542.400.286
II. Nợ dài hạn	330		1.807.771.166	25.042.359.696
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	675.253.166	459.921.696
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	1.132.518.000	24.582.438.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.449.121.080	67.609.212.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	87.035.749.934	68.185.082.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.320.000.000	52.320.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.320.000.000	52.320.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.022.567.639	26.941.826.503
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.757.329.346	(12.012.909.509)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.267.460.181)	(9.841.495.746)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.024.789.527	(2.171.413.763)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		935.852.949	936.165.958
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(3.586.628.854)	(575.870.768)
1. Nguồn kinh phí	431	5.21	(3.586.628.854)	(575.870.768)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		191.352.537.584	209.101.901.361

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập

Lê Lan Phương

Trưởng phòng Tài chính –
Kế toán

Nguyễn Thị Hồng Hà

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	15.954.114.997	20.511.336.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		15.954.114.997	20.511.336.194
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	11.312.803.172	10.236.397.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		4.641.311.825	10.274.938.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	1.594.470.449	1.386.516.215
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	12.373.998.946	12.921.855.616
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}	30		(6.138.216.672)	(1.260.400.763)
12. Thu nhập khác	31	5.26	36.500.597.571	20.923.939
13. Chi phí khác	32	5.27	6.154.450.237	44.870
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		30.346.147.334	20.879.069
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.207.930.662	(1.239.521.694)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	4.251.050.941	4.409.661
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.625.377	1.625.377
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		19.955.254.344	(1.245.556.732)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		19.955.567.353	(1.241.778.892)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(313.009)	(3.777.840)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	3.588	(415)

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập

Lê Lan Phương

Trưởng phòng Tài chính –
Kế toán

Nguyễn Thị Hồng Hà

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Dương


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		24.207.930.662	(1.239.521.694)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			(30.832.011.522)	(498.700.024)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.116.441.502	887.816.191
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.948.453.024)	(1.386.516.215)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(6.624.080.860)	(1.738.221.718)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37.300.790.541	6.448.898.961
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.763.017.185	(6.796.965.266)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(41.737.893.469)	2.039.186.166
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.093.057.268	(175.426.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.674.132)	(14.519.113)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.100.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(97.970.000)	(37.435.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4.316.653.467)	(274.482.908)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(289.871.276)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(1.000.000.000)	(15.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.500.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		617.128.163	1.359.593.060
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		4.827.756.887	(14.140.406.940)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.920.000)	(478.224.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.920.000)	(478.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		509.183.420	(14.893.113.848)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.087.598.144	20.980.711.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.596.781.564	6.087.598.144

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập


Lê Lan Phương

Trưởng phòng Tài chính –
Kế toán


Nguyễn Thị Hồng Hà


Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Thùy Dương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội tiền thân là Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội thuộc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội đã tiến hành chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của UBND Thành phố Hà Nội và Nghị định số 187/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103012585 ngày 05 tháng 6 năm 2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ Tám ngày 06 tháng 7 năm 2020.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ Tám ngày 06 tháng 7 năm 2020 là: 52.320.000.000 đồng (*bằng chữ: năm mươi hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng*), tương đương 5.232.000 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết trên sàn UpCOM với mã chứng khoán HCI.

Trụ sở chính: số 76 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 38 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Thi công, xây lắp điện bao gồm: + Đường dây và trạm biếp áp đến 110KV; + Đường cáp ngầm có điện áp đến 110KV; + Trạm biếp áp có dung lượng đến 2500KVA; + Tổ máy phát điện đến 2000KA, trạm thủy điện đến 10MW; + Các công trình điện chiếu sáng, điện động lực phục vụ cho công nghiệp, dân dụng, thủy lợi; Thi công, xây lắp công trình bao gồm: + Công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; Công trình thể dục thể thao, vui chơi giải trí và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; + Xây dựng cầu, hầm, nút giao thông khác cốt công trình giao thông đường bộ; + Xây lắp các trạm, bồn chứa, đường ống và thiết bị gas, xăng dầu; + Nạo vét, đào kênh mương, sông, mở luồng cảng, sông - biển;
- Lắp đặt thiết bị máy móc, cơ khí, điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị điện, cơ khí; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, Chi tiết: Gia công thiết bị máy móc, cơ khí, điện, điện tử, tin học;
- Lập và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; - Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đất đai xây dựng và giải phóng mặt bằng; + Lặn khảo sát, thăm dò, hàn cắt kim loại dưới nước, cắt phá trực vớt phế thải lòng sông - biển; Tư vấn, thiết kế: + Thiết kế điện chiếu sáng đô thị và nông thôn, hệ thống đèn tín hiệu giao thông; + Thiết kế cấp điện: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; + Thiết kế cơ điện: đối với công trình xây dựng và công trình điện năng; + Thiết kế công trình điện năng: đường dây và trạm biếp áp; + Thiết kế đường dây và trạm biếp áp đến 35KV: đối với công trình điện năng; + Thiết kế điện sinh hoạt, điện xí nghiệp: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước; + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; + Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hoá; + Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện: đối với công trình dân dụng và công nghiệp; - Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đất đai xây dựng và giải phóng mặt bằng;
- Kinh doanh xuất nhập vật tư, máy móc và thiết bị phục vụ chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao - vui chơi giải trí; - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, trang thiết bị phục vụ chuyên ngành khí đốt hóa lỏng; - Kinh doanh, xuất nhập khẩu bếp gas, bình nóng lạnh dùng gas và các sản phẩm thuộc ngành điện lạnh; - Kinh doanh dịch vụ khu đô thị mới và cụm công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh bếp gas, bình nóng lạnh dùng gas và các sản phẩm thuộc ngành điện lạnh;
- Kinh doanh nhiên liệu dùng cho động cơ xe - máy; Kinh doanh khí đốt hóa lỏng, chiết nạp chai khí đốt hóa lỏng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ, Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

- Khai thác, chế biến lâm; Sửa chữa, bảo hành, bảo trì thiết bị máy móc, cơ khí, điện, điện tử, tin học; Khai thác, chế biến các sản phẩm nông nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao – vui chơi giải trí;
- Sản xuất kinh doanh nước giải khát, rượu bia (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh bất động sản; Môi giới bất động sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Làm đại lý vật tư, thiết bị xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất;
- Sản xuất tủ bảng điện tiêu dùng, điều khiển, phân phối, bảo vệ, đo lường điện: vật liệu, phụ kiện phục vụ lắp điện; Lắp đặt tủ bảng điện tiêu dùng, điều khiển, phân phối, bảo vệ, đo lường điện: vật liệu, phụ kiện phục vụ lắp điện; Lắp đặt điện; Khai thác và kinh doanh cát xây dựng (bao gồm cát bãi và cát hút);

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty theo thời gian triển khai dự án.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Dịch vụ đô thị Hancic	Hà Nội	100,00	100,00	Dịch vụ quản lý
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội – An Dương	Hà Nội	52,80	52,80	Xây lắp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh: đã tạm ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục giải thể;
- Chi nhánh Hưng Yên: đã tạm ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục giải thể;
- Chi nhánh Vĩnh Phúc: đã tạm ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục giải thể;
- Chi nhánh Cao Bằng đã tạm ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục giải thể;

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các xí nghiệp phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp xây lắp điện 1;
- Xí nghiệp xây lắp điện 2;
- Xí nghiệp xây lắp điện 3;
- Xí nghiệp xây lắp điện và công trình dân dụng;
- Xí nghiệp xây dựng kết cấu hạ tầng;
- Xí nghiệp xây dựng công trình 2;
- Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu;
- Xí nghiệp kinh doanh nhà;
- Trung tâm ứng dụng công nghệ xuất khẩu;
- Trung tâm phát triển dự án;
- Xí nghiệp gạch block;
- Trung tâm đầu tư xây lắp xuất nhập khẩu.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng nhất quán các quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu nội bộ là các khoản công nợ phải thu Phòng Kinh tế - Kế hoạch
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, thông tư 28/2017- TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05
Phần mềm kế toán	03 - 05

Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự tài sản cố định hữu hình.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh và phân loại trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả nội bộ là các khoản công nợ phải trả Phòng Kinh tế - Kế hoạch.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.132.938.288	1.583.255.546
Tiền gửi ngân hàng	2.963.843.276	4.504.342.598
Các khoản tương đương tiền (i)	1.500.000.000	-
Tổng	6.596.781.564	6.087.598.144

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.003.674.779	16.799.016.016
Công ty Cổ phần Đầu tư MHD Hà Nội	13.000.000.000	-
Công ty Dịch vụ Phong Cách (i)	1.560.297.685	1.560.297.685
Đối tượng khác	12.443.377.094	15.238.718.331
Tổng	27.003.674.779	16.799.016.016

(i) Số dư phải thu Công ty Dịch vụ Phong Cách liên quan đến dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>3.215.234.631</i>	<i>3.228.186.255</i>
Trả trước của các chi nhánh cho đối tác	2.597.186.911	2.597.186.911
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	618.047.720	630.999.344

5.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>23.500.000.000</i>	<i>23.500.000.000</i>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>23.500.000.000</i>	<i>23.500.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.000.000.000	19.000.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 đến 12 tháng, lãi suất và kỳ hạn theo từng hợp đồng tiền gửi.

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>6.919.919.752</i>	-	<i>12.800.483.335</i>	-
Tạm ứng	4.943.508.766	-	11.623.525.489	-
Ký cược, ký quỹ	171.629.590	-	59.035.390	-
Phải thu khác	1.804.781.396	-	1.117.922.456	-
<i>Dài hạn</i>	<i>12.500.000</i>	-	<i>57.500.000</i>	-
Ký cược, ký quỹ	12.500.000	-	57.500.000	-

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

Tài sản thiếu chờ xử lý là chi phí vỏ bình gas đã cấp cho Chi nhánh Vĩnh Phúc chưa thu hồi khi Chi nhánh ngừng hoạt động với giá trị 14.084.705.895 đồng.

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.720.558	-	35.720.558	-
Công cụ, dụng cụ	58.022.474	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.123.248.042	-	22.992.612.338	-
Tổng	17.216.991.074	-	23.028.332.896	-

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phân mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	350.162.867	350.162.867
Mua trong năm	80.650.000	80.650.000
Số dư cuối năm	430.812.867	430.812.867
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	299.387.288	299.387.288
Khấu hao trong năm	26.948.585	26.948.585
Số dư cuối năm	326.335.873	326.335.873
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	50.775.579	50.775.579
Tại ngày cuối năm	104.476.994	104.476.994

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 217.704.867 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TIẾP THEO (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.924.742.642	158.017.228	1.237.037.864	377.186.535	15.696.984.269	
Tăng trong năm	209.221.276	-	-	-	209.221.276	
Đầu tư XDCB hoàn thành	209.221.276	-	-	-	209.221.276	
Số dư cuối năm	14.133.963.918	158.017.228	1.237.037.864	377.186.535	15.906.205.545	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.595.147.922	158.017.228	1.111.212.719	373.743.119	10.238.120.988	
Tăng trong năm	524.398.563	-	121.916.064	20.455.336	666.769.963	
Khấu hao trong năm	321.226.417	-	121.916.064	20.455.336	463.597.817	
Tăng khác	203.172.146	-	-	-	203.172.146	
Giảm trong năm	-	42.033.241	46.889.259	114.249.646	203.172.146	
Giảm khác	-	42.033.241	46.889.259	114.249.646	203.172.146	
Số dư cuối năm	9.119.546.485	115.983.987	1.186.239.524	279.948.809	10.701.718.805	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.329.594.720	-	125.825.145	3.443.416	5.458.863.281	
Tại ngày cuối năm	5.014.417.433	42.033.241	50.798.340	97.237.726	5.204.486.740	

Tăng khác, giảm khác giá trị hao mòn lũy kế là phần loại lại khấu hao theo các khoản mục.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.329.551.710 đồng. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7.272.000.544 đồng)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	18.393.271.774	-	-	18.393.271.774
Nhà	18.393.271.774	-	-	18.393.271.774
Giá trị hao mòn lũy kế	505.943.938	625.895.100	-	1.131.839.038
Nhà	505.943.938	625.895.100	-	1.131.839.038
Giá trị còn lại	17.887.327.836			17.261.432.736
Nhà	17.887.327.836			17.261.432.736

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Trường cao đẳng Nghiệp vụ du lịch (i)	36.634.816.599	36.634.816.599	36.600.252.962	36.600.252.962
Dự án Trung Văn mở rộng (i)	22.063.247.453	22.063.247.453	22.049.486.453	22.049.486.453
Tổng	58.698.064.052	58.698.064.052	58.649.739.415	58.649.739.415

(i) Các dự án đang trong quá trình đầu tư ban đầu (giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục đầu tư...)

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang (ii)	29.390.000	29.390.000
Tổng	29.390.000	29.390.000

(ii) Chi phí xây dựng dở dang là chi phí dự án đang triển khai.

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	330.116.284	404.175.085
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	330.116.284	404.175.085
Dài hạn	7.050.641.363	8.069.639.830
Chi phí trả trước Chi nhánh Vĩnh Phúc	6.871.497.870	7.510.043.303
Chi phí trả trước khác	179.143.493	559.596.527
Tổng	7.380.757.647	8.473.814.915

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	
<i>Ngắn hạn</i>	698.000.000	698.000.000	-	-	698.000.000	698.000.000	
Vay cá nhân	698.000.000	698.000.000	-	-	698.000.000	698.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Phải trả các nhà cung cấp	11.683.365.887	11.683.365.887	19.076.487.648	19.076.487.648
Tổng	11.683.365.887	11.683.365.887	19.076.487.648	19.076.487.648

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Năm 2020		31/12/2020
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	2.562.498.955	368.868.939	420.250.320	2.511.117.574
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	288.663.069	4.261.315.412	14.674.132	4.535.304.349
Thuế Thu nhập cá nhân	16.220.278	182.812.541	176.686.494	22.346.325
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	993.385.780	993.385.780	-
Thuế khác	2.683.830.918	5.000.000	5.000.000	2.683.830.918
Tổng	5.551.213.220	5.811.382.672	1.609.996.726	9.752.599.166

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2020	Năm 2020		31/12/2020
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	11.961.347	11.961.347
Tổng	-	-	11.961.347	11.961.347

5.16 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Các hộ chung cư và đối tác trả trước	257.501.994	577.794.137
Đối tượng khác	246.153.711	463.234.193
Tổng	257.501.994	577.794.137

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	40.460.957.082	40.327.074.165
Dự án Trung Văn 1	35.845.889.675	35.711.154.438
Dự án xây dựng nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung	3.005.413.973	3.005.373.973
Dự án khác	1.609.653.434	1.610.545.754
Tổng	40.460.957.082	40.327.074.165

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	675.253.166	459.921.696
Doanh thu cho thuê nhận trước	675.253.166	459.921.696
Tổng	675.253.166	459.921.696

5.19 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	24.704.632.305	23.285.507.276
Kinh phí công đoàn	109.983.532	115.138.644
Lợi nhuận giữ lại chờ quyết toán với UBND TP Hà Nội (i)	11.157.072.552	10.226.294.726
Tiền tái định cư thu hộ - chi hộ	1.020.000.000	1.020.000.000
Lợi nhuận phải trả các bên liên doanh (ii)	1.638.534.067	1.638.534.067
Nộp tiền giai đoạn CBĐT DA Nhà ở chiến sỹ công an Q. Ba Đình	1.395.000.000	1.395.000.000
Phải trả khác của các chi nhánh	7.032.091.425	6.825.235.288
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	296.711.258	298.631.258
Công ty Bao bì và XNK	2.055.239.471	1.766.673.293
<i>Dài hạn</i>	1.132.518.000	24.582.438.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.132.518.000	1.082.438.000
Công ty Cổ phần MHD Hà Nội (iii)	-	23.500.000.000
Tổng	25.837.150.305	47.867.945.276

(i) Phần lợi nhuận chờ quyết toán với UBND Thành phố Hà Nội phát sinh từ hoạt động kinh doanh cho thuê tầng 1 các tòa chung cư 262 Nguyễn Huy Tường, 46B Lạc Trung, 130 Đốc Ngữ, chung cư nhà CT4 Khu đô thị mới Trung Văn thuộc sở hữu Nhà nước

(ii) Lợi nhuận còn lại trả cho bên liên doanh của Dự án xây nhà ở để bán cho Công ty Kinh doanh nước sạch nhà máy nước Ngọc Hà.

(iii) Tiền đặt cọc cho việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà nội và Công ty Cổ Phần MHD Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	52.320.000.000	26.940.946.814	939.943.798	(9.841.495.746)	70.359.394.866
Lỗ trong năm trước	-	-	(3.777.840)	(1.241.778.892)	(1.245.556.732)
Lợi nhuận phải trả nhà nước (*)	-	-	-	(920.211.005)	(920.211.005)
Trích lập các quỹ	-	879.689	-	(2.639.066)	(1.759.377)
Giảm khác	-	-	-	(6.784.800)	(6.784.800)
Số dư đầu năm nay	52.320.000.000	26.941.826.503	936.165.958	(12.012.909.509)	68.185.082.952
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.955.567.353	19.955.567.353
Lợi nhuận phải trả nhà nước (*)	-	-	-	(930.777.826)	(930.777.826)
Trích lập các quỹ	-	80.741.136	-	-	80.741.136
Lỗ trong năm nay	-	-	(313.009)	-	(313.009)
Giảm khác	-	-	-	(254.550.672)	(254.550.672)
Số dư cuối năm	52.320.000.000	27.022.567.639	935.852.949	6.757.329.346	87.035.749.934



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	15.698.400.000	15.698.400.000
Trịnh Tuyết Mai	11.513.040.000	-
Ông Vũ Mạnh Quyền	10.155.600.000	10.155.600.000
Bà Nguyễn Thùy Dương	-	3.765.840.000
Ông Trần Văn Hồng	-	2.658.920.000
Ông Trần Trọng Bình	2.651.280.000	2.651.280.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	10.824.000.000
Bà Vũ Hoàng Yến	6.626.760.000	-
Cổ đông khác	5.674.920.000	6.565.960.000
Tổng	52.320.000.000	52.320.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	52.320.000.000	52.320.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	52.320.000.000	52.320.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.232.000	5.232.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.232.000	5.232.000
Cổ phiếu phổ thông	5.232.000	5.232.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.232.000	5.232.000
Cổ phiếu phổ thông	5.232.000	5.232.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.022.567.639	26.941.826.503

5.21 Nguồn kinh phí

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Nguồn kinh phí đầu năm	(575.870.768)	269.892.520
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.116.848.069	3.598.402.460
Chi sự nghiệp	(4.127.606.155)	(4.444.165.748)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(3.586.628.854)	(575.870.768)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>15.954.114.997</i>	<i>20.511.336.194</i>
Doanh thu bán hàng hoá	-	70.559.378
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.078.555.254	18.380.711.081
Doanh thu hợp đồng xây dựng	875.559.743	2.060.065.735

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động bán hàng	-	70.559.378
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.510.022.429	11.921.668.106
Giá vốn hợp đồng xây dựng	802.780.743	1.897.607.389
Giảm chi phí trích trước dự án Trung Văn	-	(3.653.437.317)
Tổng	<u>11.312.803.172</u>	<u>10.236.397.556</u>

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.590.403.506	1.379.731.415
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.066.943	6.784.800
Tổng	<u>1.594.470.449</u>	<u>1.386.516.215</u>

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>12.373.998.946</i>	<i>12.921.855.616</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.366.004.528	7.845.373.340
Chi phí vật liệu quản lý	134.114.784	222.728.149
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.048.755	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.798.406	249.595.029
Thuế, phí và lệ phí	5.977.987	384.033.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.407.505.314	1.634.481.154
Chi phí khác bằng tiền	1.225.549.172	2.585.644.662
Tổng	<u>12.373.998.946</u>	<u>12.921.855.616</u>

5.26 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án	36.500.000.000	-
Thu nhập khác	597.571	20.923.939
Tổng	<u>36.500.597.571</u>	<u>20.923.939</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.27 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí chuyển nhượng dự án	6.146.517.425	-
Các khoản bị phạt hợp đồng và sửa chữa nhà	7.932.812	44.870
Tổng	6.154.450.237	44.870

5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	4.251.050.941	4.409.661
Tổng	4.251.050.941	4.409.661

5.29 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.955.567.353	(1.241.778.892)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.770.238.855	(2.170.534.074)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.232.000	5.232.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.588	(415)

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	993.890.346
Chi phí nhân công	11.310.386.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.039.441.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.559.195.924
Chi phí khác bằng tiền	1.309.149.922
Tổng	24.212.064.029

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội
 Trần Trọng Bình
 Nguyễn Viết Trường
 Nguyễn Thùy Dương
 Phùng Minh Trang
 Nguyễn Văn Danh
 Nguyễn Thị Mai
 Vũ Mạnh Quyền
 Nguyễn Thái Hà

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Chủ tịch
 Chủ tịch
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Phó Tổng Giám đốc

*Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**Thù lao thành viên Hội đồng quản trị*

Họ tên	Chức danh	Năm 2020 VND
Trần Trọng Bình	Chủ tịch	27.000.000
Nguyễn Viết Trường	Chủ tịch	15.000.000
Nguyễn Văn Danh	Thành viên	12.000.000
Nguyễn Thị Mai	Thành viên	12.000.000
Nguyễn Thùy Dương	Thành viên	12.000.000
Phùng Minh Trang	Thành viên	14.000.000
Vũ Mạnh Quyền	Thành viên	24.000.000
Tổng		116.000.000

Thù lao thành viên ban kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2020 VND
Bùi Như Thanh	Trưởng ban	12.000.000
Nguyễn Trung Thành	Trưởng ban	12.000.000
Tạ Xuân Sơn	Thành viên	12.000.000
Trần Thị Thu Liên	Thành viên	12.000.000
Tổng		48.000.000

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Năm 2020 VND
Vũ Mạnh Quyền	Tổng Giám đốc	613.843.839
Trần Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc	561.978.137
Nguyễn Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc	216.730.990
Nguyễn Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc	506.981.315
Nguyễn Viết Trường	Chủ tịch	289.005.000
Nguyễn Thị Hồng Hà	Trưởng phòng Tài chính-Kế toán	331.885.000
Tổng		2.520.424.281

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập



Lê Lan Phương

**Trưởng phòng Tài chính –
Kế toán**



Nguyễn Thị Hồng Hà

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Dương





Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org

Số: 34 /UQ-CT

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v Ký Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020; Tờ khai thuế và Báo cáo thuế năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội ("**Công ty**");
- Căn cứ tờ trình số: 292/2020/Ttr - CT ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công Ty.

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Công ty, số 76 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. Bên uỷ quyền: ông Trần Trọng Bình

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty;
- CCCD: số 001070011799 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/04/2017;
- Hộ khẩu thường trú: D6B4 lô D6 khu đấu giá 18,6 ha phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội.

II. Bên được uỷ quyền: bà Nguyễn Thùy Dương

- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc của Công Ty;
- CCCD số 031168000274 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2017;
- Hộ khẩu thường trú: A15/66 Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

Sau khi bàn bạc, thống nhất, các Bên ký kết Giấy ủy quyền này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1. CĂN CỨ ỦY QUYỀN:

Để thực hiện việc lập và kiểm toán báo cáo Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020; Tờ khai thuế định kỳ và Báo cáo thuế năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội.



Handwritten signature

ĐIỀU 2. PHẠM VI ỦY QUYỀN:

2.1. Bên được ủy quyền được nhân danh và thay mặt Bên ủy quyền thực hiện các công việc ủy quyền sau đây: Ủy quyền cho Bà Nguyễn Thùy Dương - Phó Tổng giám đốc Công trực tiếp kiểm tra và ký:

- ✓ Tờ khai thuế GTGT, TNCN, TNDN quý III, IV năm 2020; quyết toán thuế năm 2020;
- ✓ Các báo cáo thuế khác như: đăng ký giảm trừ gia cảnh, báo cáo sử dụng hóa đơn, báo cáo sử dụng ấn chỉ năm 2020;
- ✓ Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020;
- ✓ Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020;

2.2. Khi thực hiện nội dung ủy quyền, Bên được ủy quyền có trách nhiệm:

- Thực hiện kiểm tra và ký: Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020; các tờ khai các loại thuế tháng, quý, năm và Báo cáo quyết toán thuế năm 2020 của Công ty theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và các sở, ban ngành có liên quan;
- Khi có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc hoặc có thay đổi về nội dung, Bên được ủy quyền phải xin ý kiến chỉ đạo của Bên ủy quyền trước khi thực hiện;
- Khi ký các hồ sơ, văn bản theo nội dung ủy quyền, Bên được ủy quyền phải gửi 01 bản cho Bên ủy quyền để báo cáo;
- Thực hiện các công việc theo đúng các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật và HĐQT của Công ty về việc thực hiện các công việc được ủy quyền; đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty.

ĐIỀU 3. THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và đóng dấu Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội cho đến khi thực hiện xong nội dung ủy quyền/ hoặc Chủ tịch HĐQT có quyết định thay thế/hoặc người được ủy quyền hoặc người ủy quyền bị cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động/hoặc ủy quyền bị chấm dứt theo qui định tại điều 569 - Bộ Luật Dân sự;

ĐIỀU 4. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN:

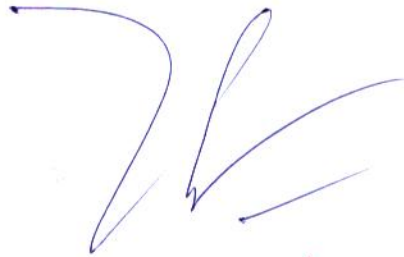
- 4.1. Bên ủy quyền cam kết rằng tại thời điểm lập Giấy ủy quyền này, Bên ủy quyền có đủ quyền, tư cách theo quy định của pháp luật về phạm vi ủy quyền;
- 4.2. Bên được ủy quyền cam kết thực hiện đầy đủ nội dung được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Giấy ủy quyền này, không được ủy quyền lại cho người

thứ 3 để thực hiện nội dung ủy quyền nêu trên và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên được ủy quyền theo qui định tại điều 565 - Bộ Luật Dân sự ;

- 4.3. Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền hoàn toàn minh mẫn và tự nguyện xác lập Giấy ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này được lập thành 08 (tám) bản chính: Bên ủy quyền giữ 01 (một) bản, Bên được ủy quyền giữ 01 (một) bản, 06 (sáu) bản do phòng Hành chính – Tổng hợp Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội quản lý (01 bản để lưu + 01 bản giao phòng Tài chính – Kế toán, 04 bản giao cho các đơn vị có liên quan khi cần).

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thùy Dương

BÊN ỦY QUYỀN



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Trọng Bình

